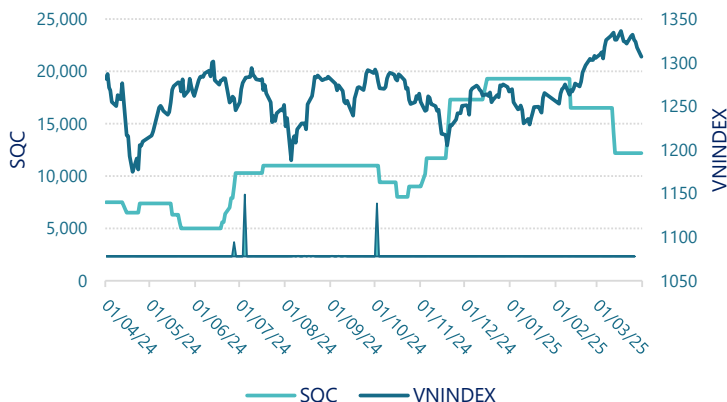




CTCP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (UPCOM: SQC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
SL cổ phiếu LH	107,299,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,309
P/E	-17.0
EPS	-718

DT thuần

Q1/25

0.48

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.04 | 8.7%

LN sau thuế

Q1/25

-0.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.4 | 100.0%

YoY: ▲ 0.04 | 73.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-4203%

+/- YoY: ▼ 1717%

DT thuần

2024

1.83

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.28 | 18.1%

LN sau thuế

2024

-77.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 38.4 | -99.7%

ROE

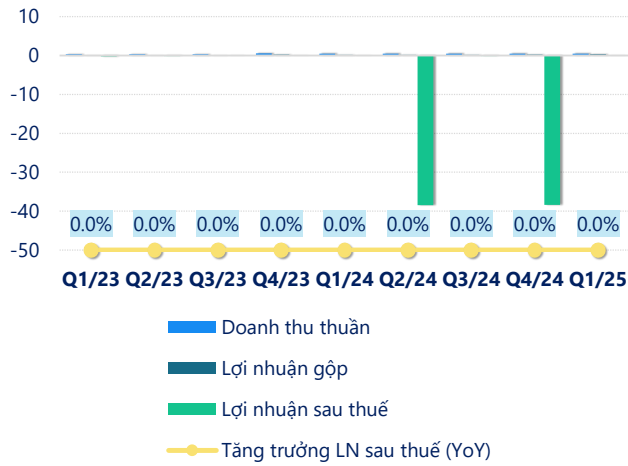
2024

-12.0%

+/- YoY: ▼ 6.5%

tỷ VNĐ

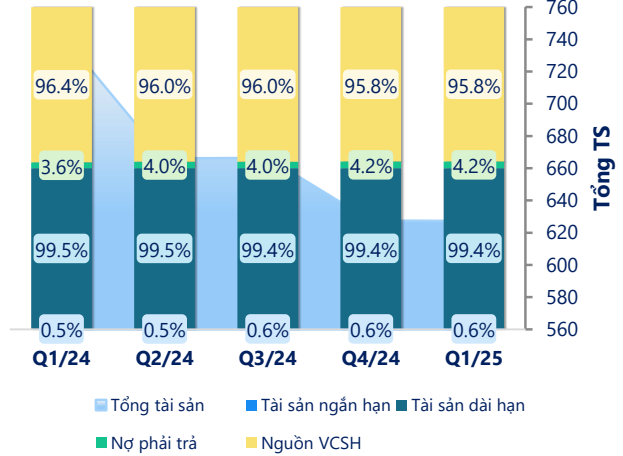
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

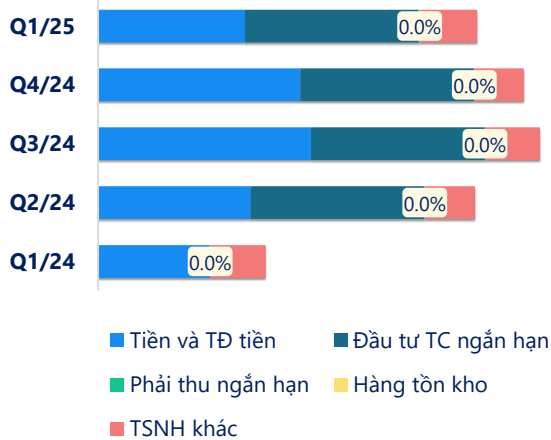
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



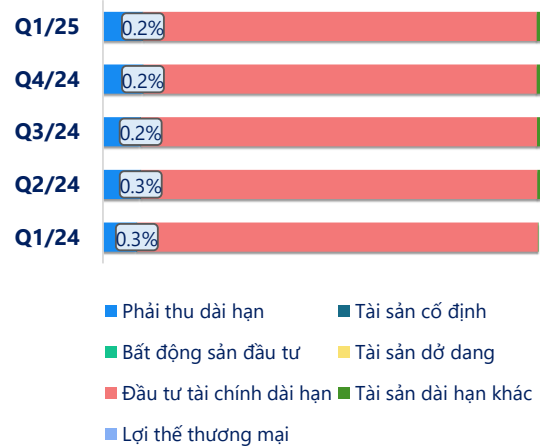
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

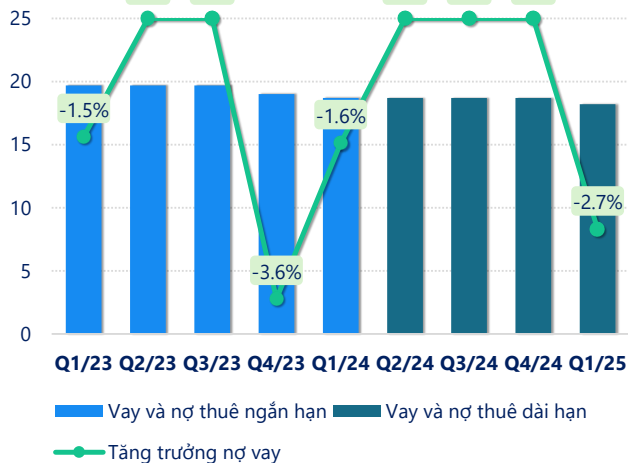
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

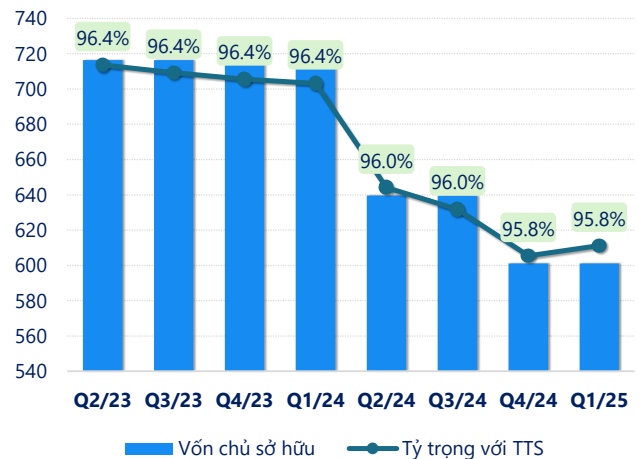
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

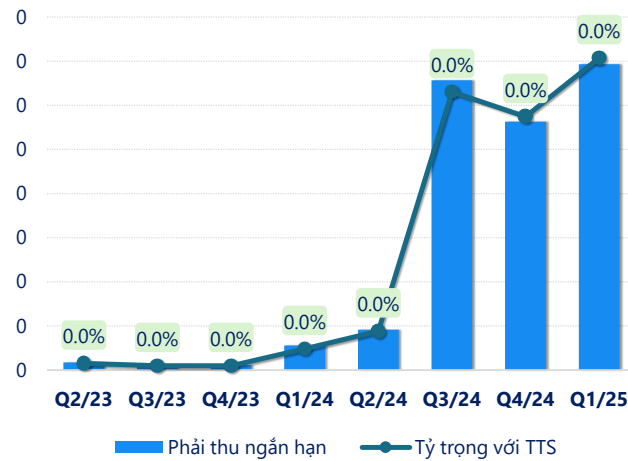
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



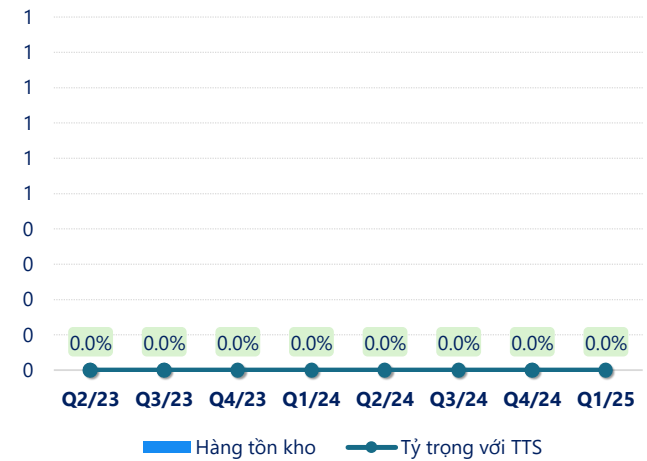
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


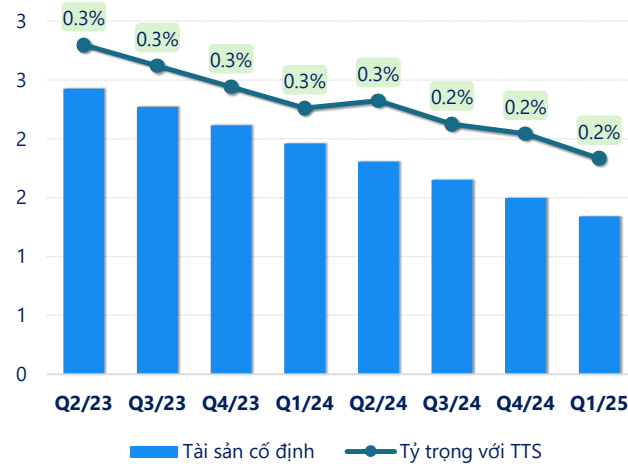
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


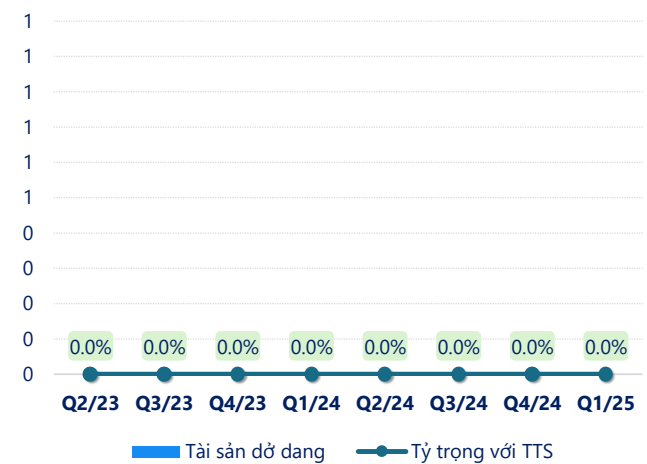
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

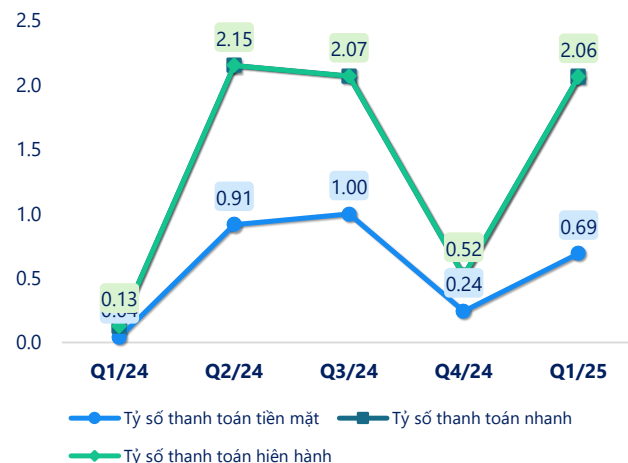
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

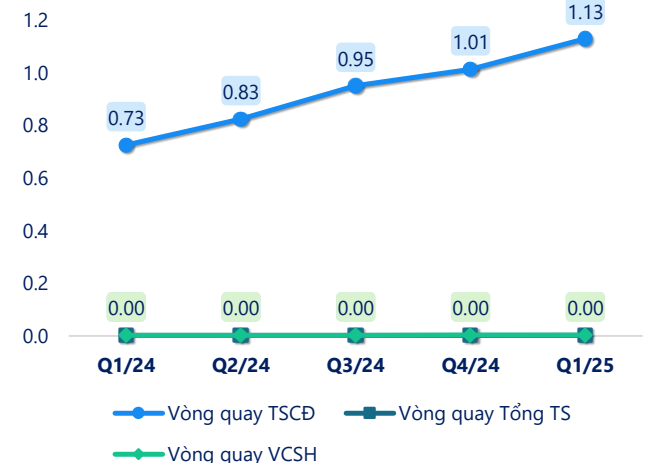
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	743	666	666	628	627
Tài sản ngắn hạn	3.37	3.14	3.87	3.58	3.62
Tiền và tương đương tiền	1.09	1.34	1.87	1.67	1.21
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.70	1.30	1.30	1.30	1.70
Phải thu ngắn hạn	0.01	0.02	0.13	0.11	0.14
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.56	0.49	0.57	0.50	0.57
Tài sản dài hạn	740	663	663	624	624
Phải thu dài hạn	55.9	55.9	55.9	55.9	55.9
Tài sản cố định	1.96	1.81	1.65	1.50	1.34
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	672	595	595	557	557
Tài sản dài hạn khác	1.01	9.91	9.72	9.57	9.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	26.9	26.5	27.0	26.4	26.2
Nợ ngắn hạn	26.9	1.46	1.87	6.89	1.75
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.7	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.89	0.90	0.86	0.86	0.79
Nợ dài hạn	0	25.0	25.1	19.5	24.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0	18.7	18.7	18.7	18.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	716	640	639	601	601
Vốn chủ sở hữu	716	640	639	601	601
Vốn điều lệ	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)